

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI MÔI GIỚI HỐI LỘ

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	123/2018/HS-PT	10/09/2018	TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Bản án số 123/2018/HS-PT ngày 10/09/2018 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bà Rịa_ Vũng Tàu - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Nguyễn Bá H thông qua Hoàng Thị Y 05 lần đưa tiền cho y, tổng số 35 triệu đồng để Y quan hệ với cán bộ phường không tháo dỡ nhà xây dựng trái phép. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Khoảng tháng 11/2016, Trần Văn M là cháu gọi Nguyễn Bá H bằng dượng có nhờ H quen biết ai giúp M xây dựng trái phép căn nhà tạm tại đường M, phường N, thành phố V để sửa xe. H nhận lời và tìm gặp Hoàng Thị Y nhờ H lo lót cho các cán bộ địa phương để nhà của M không bị cưỡng chế, tháo dỡ. Lúc đầu Y nói khó khăn không làm được nhưng do đang cần tiền để trả nợ nên khoảng hai ngày sau, Y đến tiệm điện thoại của H nói hỏi được rồi, hết 3.000.000 đồng. Sau đó, Y nhận 3.000.000 đồng của anh M thông qua H nhưng Y không đi lo lót cho ai mà sử dụng tiền cho mục đích cá nhân. Vài ngày sau, M dựng nhà tạm mái lợp tôn, khung gỗ, vách tôn tại địa chỉ trên, cán bộ đô thị phường N, thành phố V có xuống nhắc nhở nhưng không tháo dỡ.</p> <p>Do thấy nhà tạm của Trần Văn M dựng không bị tháo dỡ nên khoảng tháng 12/2016 và tháng 04/2017, Vũ Văn N và Lê Thanh O ở cạnh địa chỉ đường M, phường N, thành phố V có đến nhà H nhờ để xây dựng nhà trái phép tại địa chỉ trên. Nguyễn Bá H nhận lời N và O. Sau đó, H gọi điện thoại cho Y để tiếp tục nhờ Y lo lót cho cán bộ đô thị phường N nhằm xây dựng nhà trái phép không bị tháo dỡ. Do lúc này Y cũng đang cần tiền để tiêu xài nên Y nói với H số tiền lo lót dựng nhà của N là 7.000.000 đồng và của O là 4.000.000 đồng. Y nhận số tiền trên của N và O thông qua Nguyễn Bá H và đưa lại cho H 900.000 đồng. Số tiền còn lại Y sử dụng cho mục đích cá nhân, mua quần áo để bán, không lo lót hay đưa cho ai. Vũ Văn N và Lê Thanh O dựng nhà khung gỗ, mái lợp tôn, vách tôn không bị tháo dỡ.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1KDcK_FbBF5gk0oPONRcn5igBirX94H9/view?usp=sharing</p>

Cùng với hành vi tương tự, vào khoảng tháng 02/2017 Nguyễn Bá H nhận 6.000.000 đồng của anh Trần Quốc P rồi đưa lại cho Hoàng Thị Y nhằm lo lót cán bộ địa phương để không bị cưỡng chế nhà tại cạnh địa chỉ ... đường D phường N, thành phố V. Y sử dụng 5.500.000 đồng cho cá nhân, cho H 500.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 23/02/2017 UBND phường N đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ nhà của P, P đã yêu cầu Nguyễn Bá H trả lại tiền.

Tiếp đó, đến tháng 4/2017 Nguyễn Bá H nhận của anh Trần Thanh Q số tiền 15.000.000 đồng rồi đưa cho Y lo lót để xây nhà trái phép tại địa chỉ ... đường M, phường N, Tp.V. Ngày 24/4/2017, Y viết giấy nhận 15.000.000 đồng từ H, Y sử dụng số tiền trên để trả vay Ngân hàng, không lo lót cho ai.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối Hoàng Thị Y chiếm đoạt của 05 người nêu trên tổng số tiền 35.000.000 đồng thông qua Nguyễn Bá H, và cho Nguyễn Bá H 1.400.000 đồng.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng do thu lợi bất chính qua việc làm môi giới hối lộ, Nguyễn Bá H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố V.

Gia đình bị cáo Hoàng Thị Y đã tự nguyện nộp số tiền 33.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu ngày 05/4/2018.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá H phạm tội "Môi giới hối lộ".
2. Sử dụng điểm e khoản 2 Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Bá H 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đây (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 25/12/2017).
3. Xử phạt **Hoàng Thị Y 24 (hai bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**.

Toà án phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá H, sửa bản án sơ thẩm.
2. Tuyên bố: Nguyễn Bá H phạm tội "Môi giới hối lộ".

Sử dụng điểm e khoản 2 Điều 365; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, Xử phạt: Nguyễn Bá H 02 năm Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày 10/9/2018, được khấu trừ 165 ngày (một trăm sáu mươi lăm ngày) do đã tạm giam trước đây (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 25/12/2017). Giao Nguyễn Bá H cho Ủy ban nhân dân phường M, thành

				<p>phố V giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.</p> <p>3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm e khoản 2 Điều 365; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b, đ Khoản 1 Điều 357 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
2.	509/2019/HS-PT	10/09/2019	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 509/2019/HS-PT ngày 10/09/2019 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Vào ngày 18/07/2016, các đối tượng Sỹ Vĩnh S và Sin Hỷ Ph bị Cơ quan CSĐT - Công an quận B khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Vụ án do các cơ quan tiến hành tố tụng quận B thụ lý điều tra, truy tố, xét xử. Do muốn lo tại ngoại cho S và Ph, thông qua giới thiệu của một đối tượng tên H, bà Sín Cẩm C (vợ của S, chị gái của Ph) đã liên hệ gặp Vũ Ngọc Th để nhờ giúp đỡ.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/12xue51RhvaDtN_xuYZjPfB5eaTDJBQ50/view?usp=sharing</p>

Khoảng tháng 08/2016, bà C cùng với Nguyễn Thị Tuyết L (vợ của Ph) đã đến gặp Th tại quán cà phê bên cạnh tòa nhà số 199 H, Phường 8, quận P. Th nói có quen với ông Nguyễn Quốc Th1 làm Phó Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể giải quyết được việc này. Sau đó, Th dẫn C và L lên Phòng số 603, nhà số 199 H để gặp ông Th1 (Trưởng Cơ quan đại diện Báo Bảo vệ Pháp luật Khu vực Phía Nam thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

Sau khi nghe C trình bày sự việc, Ông Th1 nói cứ nộp đơn kêu oan và phải đưa tiền để đi xác minh làm rõ sự việc, nếu oan thì khoảng 15 đến 30 ngày sẽ thả người. Sau đó C với L xuống dưới chờ, một lúc sau Th xuống báo là ông Th1 nói phải nộp số tiền 100.000.000 đồng mới giải quyết được. Ngày 22/08/2016, C đã đưa đơn kêu oan và 100 triệu đồng cho Th và ông Th1 tại phòng làm việc của ông. Việc đưa, nhận tiền không có giấy biên nhận. Tuy nhiên, ngày 16/03/2017, S bị tòa tuyên 8 năm 6 tháng tù, Ph bị tòa tuyên 6 năm tù, lúc này C nhiều lần điện thoại cho Th, ông Th1 và đến văn phòng làm việc của ông Th1 để đòi tiền nhưng không gặp được.

Sau đó, C kể cho bạn là Nguyễn Thanh T về việc bị Th, ông Th1 lừa số tiền như trên. T đã lên kế hoạch và đề nghị L gọi điện thoại cho Th nói là muốn tiếp tục lo chạy án cho anh chồng của L là Sín Nhọc D, cũng bị bắt trong cùng vụ án (T đóng giả là vợ của D). Lúc này Th mới tiếp chuyện và hẹn gặp L, T. Ngày 24/03/2017, Th hẹn gặp T và L tại quán cà phê cạnh trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Sau khi trao đổi, đến khoảng 11 giờ thì Th dẫn T và L lên văn phòng để gặp Ông Th1. Tại đây, T trình bày việc án oan, giảm án của D thì Ông Th1 đề nghị về làm đơn kháng án và photo toàn bộ hồ sơ, bản án mang lên cho Ông Th1. Đến ngày 25/03/2017, Th hẹn T và L tại quán cà phê, để trao đổi bàn bạc về việc lo chạy giảm án. Th báo giá giảm án cho 03 người, mỗi người giảm 03 năm, tổng cộng là 600 triệu đồng và nói do Th và ông Th1 đã nhận của L và C số tiền 100 triệu đồng trước đó nên còn 500 triệu đồng, đưa trước số tiền 300 triệu đồng, còn 200 triệu đồng sau khi xong việc sẽ thanh toán hết. T giả đồng ý, hứa 02 giờ sau sẽ đưa số tiền 300 triệu đồng và đề nghị Th gọi ông Th1 đến để cùng nhận tiền. Th điện thoại nhưng ông Th1 nói đã về nhà tại Vũng Tàu rồi. Lúc này, T và L yêu cầu Th viết giấy đã nhận tiền 100 triệu đồng của L, C và được Th viết nội dung: *“tôi tên Vũ Ngọc Th và anh Nguyễn Quốc Th1 có nhận số tiền mặt một trăm triệu đồng của Nguyễn Thị Tuyết L và bà Sín Cẩm C một trăm triệu đồng về vụ việc đánh nhau kêu oan đến báo Bảo vệ pháp luật có đơn của Sỳ Vĩnh S và Sín Hỷ Ph...”*. Sau khi Th viết xong, T đã gọi cho C rồi đưa Th đến Công an Phường 4, quận T để trình báo sự việc. Sau đó, vụ việc chuyển đến Công an Phường 8, quận P để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại đây, T đã cung cấp các file ghi âm, hình ảnh cuộc đối thoại giữa T, L với Th và ông Th1 vào các ngày 24, 25/03/2017. Sau khi xác minh, Công an quận P đã chuyển hồ sơ cùng tang vật đến Cơ quan CSĐT - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc Th phạm tội “Môi giới hối lộ”.

				<p>2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Vũ Ngọc Th 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/04/2017.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc Th. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2019/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc Th phạm tội “Môi giới hối lộ”. <p>Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Vũ Ngọc Th 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/04/2017.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Trả tự do cho bị cáo Vũ Ngọc Th ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. 4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Điều 355 và Điều 357, Điều 328 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
3.	798/2020/HS-PT	21/12/2020	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 798/2020/HS-PT ngày 21/12/2020 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự 	https://drive.google.com/file/d/1bkskZBBbZv2jduFPnahkAhrNlhcxUBEG/view?usp=sharing

- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm

Tóm tắt nội dung vụ án:

Ngày 19/6/2017, Nguyễn Thị Mỹ L1 bị Cơ quan điều tra, Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố và bắt tạm giam 03 tháng về tội “Môi giới mại dâm”. Nguyễn Thị Mỹ V (là chị ruột của L1) đã đến gặp Lý Thị Hương L và kể cho L biết việc L1 bị bắt. L nhận lời giúp V chạy án cho L1 được tại ngoại và hưởng án treo với giá 450.000.000 đồng. V đã giao cho L 02 lần tiền tổng cộng 450.000.000 đồng (vào ngày 01/9/2017 và ngày 11/10/2017, L có viết biên nhận).

Sau khi nhận tiền từ V, L được Vũ Văn H (anh rể L) giới thiệu gặp Nguyễn Thị T để nhờ T giúp. Ngày 11/10/2017, L đến nhà T, đi cùng L có Lý Duy Q (là con trai của L) và Vũ Văn H. Tại đây, L đã giao cho T số tiền là 250.000.000 đồng để T gặp và đưa tiền cho Điều tra viên nhằm mục đích giúp Nguyễn Thị Mỹ L1 được tại ngoại và hưởng án treo khi xét xử. Việc giao tiền giữa L và T có sự chứng kiến của H và Q, đồng thời có anh Nguyễn Đức Tr (là người yêu của con gái T) phụ T đếm tiền.

Ngày 13/10/2017, Nguyễn Thị Mỹ L1 được Viện kiểm sát nhân dân quận T thay thế biện pháp ngăn chặn, từ tạm giam sang cầm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 27/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận T ra Cáo trạng truy tố Nguyễn Thị Mỹ L1 về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Ngày 14/12/2017, Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt L1 03 năm tù giam. Do L1 không được xử án treo nên V gặp T để đòi lại tiền, nhưng T cho rằng số tiền T nhận được từ L, T đã chuyển cho Điều tra viên Trương Khánh D, nên không đồng ý trả lại. Do vậy, ngày 05/02/2018 Nguyễn Thị Mỹ V nộp đơn tố cáo Lý Thị Hương L có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo **Lý Thị Hương L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa

			<p>đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.</p> <p>4. Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hành vi của Vũ Văn H có dấu hiệu phạm tội “Môi giới hối lộ ” với vai trò đồng phạm với các bị cáo Lý Thị Hương L và Nguyễn Thị T để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị Mỹ V. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2020/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T.2. Tuyên bố bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới hối lộ” bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V phạm tội “Đưa hối lộ”.3. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lý Thị Hương L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.4. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 512. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 3573. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	---	--

Bản án số 10/2021/HS-PT ngày 14/06/2021 của TAND tỉnh Kon Tum

Thông tin chung:

- Cấp xét xử: Phúc thẩm
- Loại án: Hình sự
- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Kon Tum
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Tóm tắt nội dung vụ án:

Ngày 10/05/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ia H'Drai được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ia giao bảo quản vật chứng gồm: 01 xe máy cày, 02 rơ mooc và toàn bộ số gỗ tang vật; là vật chứng trong vụ án "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" xảy ra tại Tiểu khu 749, 739 và 744, thuộc lâm phần do Công ty quản lý. Sau đó công ty đã lập kế hoạch phân công cho nhân viên để trông coi, quản lý bảo vệ tang vật và hiện trường vụ án. Quá trình trông coi tang vật vụ án, vì địa hình hiểm trở, thời tiết không thuận lợi, sợ bị mất mát, hư hỏng nên Công ty đã xin ý kiến cấp có thẩm quyền và có chủ trương di chuyển xe máy cày và rơ mooc là tang vật về Tổ liên ngành tại Thôn 9, xã Ia T, huyện Ia để quản lý, bảo quản được thuận lợi. Trương Xuân P được Công ty chỉ đạo tìm người về sửa xe máy cày rồi phối hợp với cơ quan chức năng để di chuyển tang vật về nơi cần bảo quản.

Ngày 14/6/2018, Trương Xuân P đã liên lạc và nhờ Lê Văn N đi vào sửa xe máy cày và kéo tang vật về; sau khi xem xét N thấy không thể tự mình sửa và di chuyển xe về được vì vậy N đã điện thoại cho Hồ Quang S, sinh năm 1967 và biết được có anh Trần Hữu N2 có xe máy cày giống như vậy, sau khi hỏi thì N2 cho biết có thể sửa được xe. Đến ngày 14/6/2018, N2 điện cho em trai là Trần Hữu Quốc, sinh ngày 28/5/1995 và H (không rõ tên tuổi, địa chỉ) – đều làm thuê cho N2 để cùng N2 đi qua Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia với mục đích lên xem xe. Sau khi Q và H lên xem xét và gọi về xác nhận sẽ sửa được xe với Nam, N2 biết được xe máy cày tang vật hiện tại có giá trị hơn. Thông qua N, P đã đi đến quán cà phê Thanh Hà tại Thôn 3, xã Ia Krái, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai để gặp Nam, tại đây qua sự giới thiệu của N, P đã biết N2 chính là người muốn đổi máy cày tang vật, còn N2 đã biết P là người có nhiệm vụ, quyền hạn và là người N2 cần gặp để trao đổi. Sau khi trao đổi qua lại P thống nhất sẽ về bàn bạc với anh em rồi báo lại sau, N2 đã nhét vào túi quần P một phong bì có số tiền là 2.000.000 đồng. Sau khi về, P đã điện thoại cho N và nói rằng "bảo thẳng N2 sau khi xong việc thì đưa thêm

<https://drive.google.com/file/d/1mKHo4YXKzdnvss2jwikiz4MJFVHHnXcd/view?usp=sharing>

4.

10/2021/
HS-PT

14/06/2021

TAND
tỉnh Kon
Tum

20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để P bồi dưỡng cho mấy anh em trong tổ công tác"; nghe vậy N liền điện thoại cho N2 nói lại nội dung trên thì được N2 đồng ý và N đã điện lại để thông báo cho P biết.

Khoảng 16 giờ ngày 17/6/2018, N2 cùng Q và H (Q và H là người làm thuê cho N2) lên địa điểm xe tang vật để sửa xe, sau khi sửa xong N2 báo cho P đồng thời cũng báo là xe dùng để đổi cũng đang trên đường đến; cùng lúc P chạy xe máy ra đón N2 ở Thôn 9, xã Ia T, huyện Ia. Xe tang vật được N2 bảo với Q và H chạy ra khỏi hiện trường đi về phía Gia Lai theo hướng đường sông và dặn Q và H cứ ra sẽ có phà đón sau đó thì để xe ở khu vực bãi đất trống ở 705, xã Ia Krái, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; xe của N2 (xe dùng để đổi) được N2 chạy từ khu vực 705, địa phận xã Ia Krái đến khu vực thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia để tiến hành trao đổi, quá trình đi thì bị hỏng nên N2 liên hệ Thạch ra sửa và cả hai cùng lái về địa điểm cất xe. Khi đi đến chốt liên Ngành thuộc xã Ia T thì bị cán bộ A M chặn lại và không cho vào tổ công tác vì không phải là xe tang vật của vụ án; N2 liên hệ Q không được nên bảo Thạch quay xe lại và cùng với đó đi tìm Q để lấy lại xe tang vật chạy về trả. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, P đã điện thoại cho anh Tổng Tấn L - là Phó Giám đốc Công ty, báo cáo sự việc và nhờ giúp đỡ truy tìm tang vật vụ án. Đến khoảng 06 giờ ngày 18/6/2018 thì phát hiện xe máy cày và rơ mooc tại bãi đất trống thuộc khu vực 705, xã I, huyện Ia, Tỉnh Gia Lai. Sau đó Cơ quan Công an đã yêu cầu P và N2 về trụ sở làm việc.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “môi giới hối lộ”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 365 BLHS; điểm s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt **bị cáo Lê Văn N 18 (Mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam.
3. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Trương Xuân P 7 năm tù và Trần Hữu N2 2 năm tù về các tội nhận hối lộ và đưa hối lộ; tuyên án phí, quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Toà án phúc thẩm tuyên:

Khôn Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N – giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST Ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51

				<p>2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356</p> <p>3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</p>	
5.	288/2023/HS-PT	16/05/2023	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 288/2023/HS-PT ngày 16/05/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 30/9/2019, Tổ công tác Công an huyện H1 tuần tra phát hiện Trần Nhật M1 (sinh năm 1995, nơi cư trú: xã X2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh) có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Tại đây, M1 thừa nhận việc cùng đồng bọn thực hiện nhiều vụ phạm tội, trong đó có vụ lấy trộm xe mô tô Exciter vào ngày 17/8/2019 tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công an huyện H1 bàn giao M1 cho Công an huyện C thụ lý theo thẩm quyền (Bút lục 265-266).</p> <p>Sau khi biết M1 bị bắt, Trần Thị Ánh N là mẹ của M1 và Hồ Thị Thu T3 (là bạn gái của M1, cùng nơi cư trú với M1 thông qua một người tên Dương (chưa rõ lai lịch) liên hệ với Nguyễn Thị Tuyết H để nhờ giúp “lo” cho M1. H nói có quen biết Điều tra viên tên H3 thuộc Công an huyện H1, có thể giúp M1 được tại ngoại điều tra, hưởng án treo và dẫn N, T3 cùng đến trụ sở Công an huyện H1. Tại đây, N và T3 đứng đợi bên ngoài, H đi vào bên trong. Khoảng 15 phút sau, H đi ra nói H3 báo chi phí “lo” cho M1 được tại ngoại là 100.000.000 đồng; nếu muốn M1 được tuyên mức án thấp thì phải đợi hồ sơ kết thúc, bản án 18 tháng tù giá 80.000.000 đồng, án treo giá 100.000.000 đồng. Ngoài ra, H lấy riêng “tiền cà phê” là 10.000.000 đồng. N đồng ý và nhờ H “lo” cho M1 được thả ra.</p> <p>Ngày 03/10/2019, tại tiệm game bắn cá, địa chỉ: huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Thị Thu T3 và Trần Ngọc Kiều X (là con của N) đưa H 10.000.000 đồng.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1YytS2cS8aQknjVJszj8PlwfHcbwDifRe/view?usp=sharing</p>

Ngày 04/10/2019, tại nhà N, Trần Thị Ánh N đưa H 40.000.000 đồng và viết “Giấy giao nhận tiền” về việc đã đưa tiền cho H hai lần, tổng cộng 50.000.000 đồng. Thu T3 chứng kiến sự việc và cùng N, H ký tên vào giấy, nội dung “lo cho tên Trần Nhật M1 đang bị tạm giam tại Công an huyện Củ chi để được thả ra”.

Ngày 05/10/2019, cũng tại nơi đã đưa tiền lần đầu, N đưa H 40.000.000 đồng, có Thu T3, Kiều X và Trần Ngọc Tường V (cũng là con của N) chứng kiến. N viết tiếp vào “Giấy giao nhận tiền” về việc đưa thêm tiền và cùng T3, Tường V, H ký tên xác nhận, nội dung “ lo cho con được thả ra hưởng sự khoan hồng của pháp luật là hưởng án treo. Nếu H không lo được như lời đã hứa thì số tiền đã nhận sẽ hoàn trả lại”.

Do không đủ 110.000.000 đồng như thỏa thuận lúc đầu, nên N nhờ H ứng trước 20.000.000 đồng; N hứa sẽ trả lại số tiền này cho H sau và H đồng ý. Tuy nhiên, sau vài ngày M1 vẫn chưa được thả nên N gọi cho H để hỏi thăm tình hình. Lúc này, H yêu cầu bà N phải đưa đủ 20.000.000 đồng còn lại, nhưng N không đồng ý và nói không “lo” cho M1 nữa, yêu cầu H trả lại tiền. H đồng ý và hẹn vài ngày sau sẽ trả tiền. Sau đó, có một người gọi cho Thu T3 tự xưng là Điều tra viên H3 thuộc Công an huyện H1. T3 đưa điện thoại cho Kiều X nói chuyện, đồng thời T3 mở loa ngoài để ghi âm lại. Người tên H3 thừa nhận đã nhận 100.000.000 đồng từ H và đã đưa tiền cho Công an huyện C để “lo” cho M1 nhưng sau đó H nói gia đình không “lo” cho M1 nữa, muốn lấy lại tiền nên người này gọi điện thoại để xác nhận lại và hẹn sẽ trả lại tiền sau vì cần có thời gian để lấy lại tiền.

Ngày 09/10/2019, Công an huyện C liên hệ yêu cầu Trần Thị Ánh N làm thủ tục bảo lãnh cho M1 được tại ngoại điều tra. N cho rằng không phải do H giúp đỡ mà M1 được thả ra nên tiếp tục yêu cầu H trả lại tiền nhưng H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Vì vậy, N cho rằng H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên ngày 28/10/2019 và ngày 04/11/2019 N làm đơn tố cáo H.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 365; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết H 02 (hai) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ánh N 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hối lộ”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Trần Thị Ánh N phải nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách

			<p>Nhà nước.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ánh N.2. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 557/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.3. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra xử lý theo thủ tục chung. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 365; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 3642. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 3583. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	--	--